

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: ~~1878/H~~/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Bình, ngày 31 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền khai thác khoáng sản
trên địa bàn tỉnh Quảng Bình năm 2021**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính Quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 35/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 2743/KH-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh về việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 841/TTr-STNMT ngày 30 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án đấu giá quyền khai thác 09 mỏ khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, với diện tích 117,17 ha (có Phương án đấu giá kèm theo).

Điều 2. Căn cứ Phương án đấu giá quyền khai thác khoáng sản đã được phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các huyện: Minh Hóa, Tuyên Hóa, Bố Trạch, Quảng Trạch, Quảng Ninh; Chủ tịch UBND thành phố Đồng Hới; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn: Tân Hóa, Xuân Hóa, Lâm Hóa, Kim Hóa, Phú Định, Hàm Ninh, Quảng Lưu, phường Đồng Sơn, thị trấn Đồng Lê và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam;
- Cục KSHĐKS miền Trung;
- Các Sở: TC, XD, KHĐT, CT, TP;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Trung tâm CNTT TNMT-Sở TNMT;
- Lưu: VT, CVKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Ngọc Lâm

PHƯƠNG ÁN

Đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Bình năm 2021
(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~1110~~ **1110** QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021
của UBND tỉnh Quảng Bình)

I. THÔNG TIN VỀ CÁC KHU VỰC MỎ ĐẤU GIÁ

1. Thông tin về các khu vực mỏ

Khu vực đấu giá gồm có 09 khu vực, Tổng diện tích 117,17 ha.

Trong đó:

- Có 04 khu vực mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường, diện tích: 33,47 ha:

+ 02 khu vực mỏ đấu giá lần đầu: Mỏ đá Lèn Lâm Hóa, xã Lâm Hóa, huyện Tuyên Hóa với diện tích 18,47 ha và Mỏ đá Khe chuối, xã Phú Định, huyện Bố Trạch với diện tích 5,00 ha;

+ 02 khu vực mỏ đã tổ chức đấu giá nhưng không thành: Mỏ đá Lèn Voi xã Tân Hóa, huyện Minh Hóa với diện tích 5,00 ha và Mỏ đá Lèn Eo Cái, xã Kim Hóa, huyện Tuyên Hóa với diện tích 5,00 ha.

- Có 05 khu vực mỏ đất làm vật liệu san lấp, diện tích 83,70 ha:

+ 01 khu vực mỏ đấu giá lần đầu: Mỏ đất xã Hàm Ninh, huyện Quảng Ninh với diện tích 3,90 ha;

+ 04 mỏ đã tổ chức đấu giá nhưng không thành: Mỏ đất Đồi Ông Voi xã Xuân Hóa, huyện Minh Hóa với diện tích 10,0 ha; Mỏ đất thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa với diện tích 30,0 ha; Mỏ đất xã Quảng Lưu, huyện Quảng Trạch với diện tích 19,8 ha; Mỏ đất phường Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới với diện tích 20,0 ha.

- Tất cả các khu vực mỏ đưa ra đấu giá theo phương án này đều chưa được thăm dò, đánh giá trữ lượng.

Thông tin về các khu vực mỏ đấu giá như vị trí, ranh giới mỏ; hiện trạng cơ sở hạ tầng, hiện trạng sử dụng đất khu vực mỏ; diện tích, tài nguyên dự báo có Phụ lục kèm theo.

2. Giải phóng mặt bằng khu vực mỏ đấu giá

Hiện trạng sử dụng đất tại các khu vực mỏ đưa ra đấu giá quyền khai thác khoáng sản đều có tài sản gắn liền với đất; đa số diện tích đất đã giao cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng. Do vậy, tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải thực hiện giải phóng mặt bằng trước khi thuê đất và hoạt động khai thác khoáng sản.

II. GIÁ KHỞI ĐIỂM, BƯỚC GIÁ

1. Giá khởi điểm:

Giá khởi điểm đối với khu vực chưa thăm dò khoáng sản nêu trên được xác định bằng mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R) quy định tại Phụ lục I Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ.

Giá khởi điểm: Đối với mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường, mỏ đất làm vật liệu san lấp là $R = 3\%$.

Mức giá khởi điểm trên chưa bao gồm chi phí khảo sát thăm dò, đánh giá trữ lượng; chi phí lập hồ sơ khai thác mỏ sau khi trúng đấu giá; chi phí giải phóng mặt bằng; các loại thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác có liên quan.

2. Bước giá:

Bước giá là mức chênh lệch của lần trả giá sau so với lần trả giá trước liền kề. Bước giá ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản được xác định theo mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Bước giá áp dụng cho tất cả các khu vực mỏ phê duyệt tại phương án này là 0,1% (mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản).

III. PHÍ HỒ SƠ VÀ TIỀN ĐẶT TRƯỚC THAM GIA ĐẤU GIÁ

1. Tiền bán hồ sơ cho người tham gia đấu giá:

Tiền bán hồ sơ cho người tham gia đấu giá 500.000 đồng/hồ sơ (theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản).

Đơn vị được lựa chọn tổ chức đấu giá có trách nhiệm bán hồ sơ cho người tham gia đấu giá. Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá không được hoàn trả trừ trường hợp cuộc đấu giá không tổ chức được.

2. Tiền đặt trước:

a. Tiền đặt trước được tính bằng 15% giá khởi điểm quy định trong Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản (*Chi tiết có phụ lục kèm theo*).

b. Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá có thể nộp tiền đặt trước bằng chuyển khoản hoặc bằng bảo lãnh dự đấu giá theo phương thức như sau:

- Trường hợp nộp bằng chuyển khoản, tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá nộp vào tài khoản của tổ chức bán đấu giá theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp nộp bằng bảo lãnh dự đấu giá, tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia đấu giá phải nộp bảo lãnh dự đấu giá cho tổ chức bán đấu giá. Thời hạn bảo lãnh cho đến khi tổ chức, cá nhân trúng đấu giá nộp đủ tiền để được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định.

c. Tiền đặt trước nộp đồng thời khi nộp hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, hoặc trong thời hạn 03 ngày làm việc trước ngày mở cuộc đấu

giá. Tiền đặt trước của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản được nộp vào kho bạc Nhà nước và được khấu trừ vào tiền trúng đấu giá khi cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.

d. Tiền đặt trước tham gia đấu giá không được trả lại và nộp vào ngân sách nhà nước trong các trường hợp sau:

- Đã nộp tiền đặt trước nhưng không tham gia cuộc đấu giá mà không thuộc trường hợp bất khả kháng.

- Bị truất quyền tham gia đấu giá do có hành vi vi phạm quy chế đấu giá.

- Từ chối ký biên bản đấu giá theo quy định.

- Rút lại giá đã trả hoặc giá đã chấp nhận.

- Từ chối kết quả trúng đấu giá.

- Quá thời hạn quy định tại điểm b và điểm c Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ mà tổ chức, cá nhân trúng đấu giá không nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản;

- Giấy phép thăm dò khoáng sản bị thu hồi theo quy định của pháp luật.

IV. CƠ QUAN TỔ CHỨC THỰC HIỆN, HÌNH THỨC, CÁCH THỨC BÁN ĐẤU GIÁ

1. Cơ quan tổ chức thực hiện:

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản và ký hợp đồng để tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản các khu vực mỏ được phê duyệt trong Phương án này theo quy định tại Điều 56 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

Tổ chức được lựa chọn bán đấu giá tài sản là cơ quan lập, thông báo và bán hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản, đồng thời là cơ quan xét chọn hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định pháp luật. Việc xét chọn hồ sơ phải được Sở Tài nguyên và Môi trường tham gia.

2. Hình thức:

- Đấu giá từng khu vực và theo phương thức trả giá lên: Bỏ phiếu kín trực tiếp nhiều vòng tại phiên bán đấu giá. Việc đấu giá được tiến hành liên tục, không gián đoạn cho đến khi xác định được người trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Tên tổ chức, cá nhân trúng đấu giá được lập cùng với biên bản đấu giá và công bố công khai ngay tại phiên đấu giá có sự chứng kiến của đại diện các bên.

+ Trong vòng đấu giá đầu, tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá phải trả giá thấp nhất bằng giá khởi điểm phiên đấu giá cộng với số nguyên lần bước giá (1, 2, ..., n lần và mỗi lần tối thiểu bằng 0,1% mức thu tiền cấp quyền).

+ Trường hợp phải tổ chức vòng đấu giá tiếp theo, giá khởi điểm là giá được trả cao nhất của vòng đấu trước liền kề. Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá trả thấp nhất phải bằng giá của vòng đấu trước cộng số nguyên lần bước giá.

+ Phiếu trả giá có giá trị không đúng quy định nêu trên được coi là không hợp lệ.

3. Cách thức đấu giá:

Phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản chỉ được tiến hành khi có ít nhất 02 tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá.

+ Trong trường hợp chỉ có 01 (một) tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đủ điều kiện tham gia đấu giá, một người trả giá, một người chấp nhận giá thì thực hiện theo quy định tại Điều 49 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

+ Trường hợp không có tổ chức, cá nhân nào nộp hồ sơ tham gia đấu giá thì Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo, tham mưu UBND tỉnh theo đúng quy định.

V. ĐỊA ĐIỂM, THỜI HẠN TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ

1. Địa điểm: Tại trụ sở của tổ chức được lựa chọn để bán đấu giá.

2. Thời gian: Dự kiến trong quý II năm 2022.

- Thời gian để thông báo và đăng tải thông tin về phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản và bán hồ sơ mời đấu giá: 30 ngày.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá: 30 ngày kể từ ngày kết thúc thông báo thông tin về phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Thời gian xét hồ sơ tham gia đấu giá; thông báo đến các tổ chức, cá nhân đủ hoặc không đủ điều kiện tham gia đấu giá và tổ chức đấu giá không quá 15 ngày sau khi hết thời hạn tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá.

VI. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN VÀ HỒ SƠ THAM GIA ĐẤU GIÁ

1. Đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá:

a. Đối tượng: Các tổ chức, cá nhân trong nước có đủ điều kiện hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản.

b. Điều kiện tham gia đấu giá: Các tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá phải có đủ các điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 8, Khoản 2 Điều 16, Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản và Điều 34, Điều 51 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

2. Đối tượng không được tham gia đấu giá

- Cán bộ, công chức được giao tiếp nhận, chuẩn bị hồ sơ đấu giá quyền khai thác khoáng sản của Sở Tài nguyên và Môi trường; cha, mẹ, vợ, chồng, con của những người nêu trên.

- Những đối tượng bị cấm khác theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

3. Hồ sơ tham gia đấu giá:

Hồ sơ đấu giá gồm 01 bộ nộp tại tổ chức bán đấu giá, thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị tham gia đấu giá (*Theo mẫu*).
- Giấy đăng ký kinh doanh (*Có ngành nghề phù hợp*).
- Hồ sơ giới thiệu về năng lực kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản.
- Vốn chủ sở hữu của tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản được quy định tại Điều 9, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.
- Văn bản xác nhận của cơ quan Thuế đơn vị đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh đến thời điểm tham gia đấu giá.
- Văn bản cam kết thực hiện dự án nếu trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.
- Giấy xác nhận nộp tiền đặt trước để tham gia đấu giá (trường hợp đã nộp).

4. Xét chọn hồ sơ tham gia đấu giá

Sau khi hết thời hạn tiếp nhận hồ sơ, trong thời gian tối đa không quá 07 ngày làm việc, tổ chức bán đấu giá phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành xét chọn hồ sơ để lựa chọn tổ chức, cá nhân đủ điều kiện tham gia phiên đấu giá, đồng thời có văn bản thông báo cho các tổ chức, cá nhân đủ hoặc không đủ điều kiện tham gia đấu giá.

5. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá

a. Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản có các quyền sau đây:

- Tham khảo tài liệu địa chất, khoáng sản liên quan đến khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản, pháp luật khác có liên quan.
- Khảo sát thực địa khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản, lấy mẫu trên mặt đất nằm trong khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản nhưng chưa thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điều 37 Luật Khoáng sản;
- Được tham gia các buổi họp liên quan đến phiên đấu giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức.

b. Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản có các nghĩa vụ sau đây:

Handwritten mark

- Thực hiện nghiêm túc nội quy phiên đấu giá, quy chế đấu giá do tổ chức bán đấu giá ban hành và quy định của pháp luật khác có liên quan;

- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

6. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản

a. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản có các quyền sau đây:

- Được cấp văn bản xác nhận trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

- Được sử dụng thông tin về khoáng sản liên quan đến khu vực trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản.

- Được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản sau khi hoàn thành thủ tục đề nghị cấp phép hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản.

- Được quyền phối hợp với chính quyền địa phương để quản lý mỏ sau khi UBND tỉnh công nhận kết quả trúng đấu giá.

- Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật.

b. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản có nghĩa vụ sau đây:

- Nộp tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

- Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá, tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định của pháp luật về khoáng sản;

- Không được chuyển nhượng kết quả đấu giá quyền khai thác khoáng sản cho tổ chức, cá nhân khác lập hồ sơ đề nghị cấp phép hoạt động khoáng sản;

- Tự chịu trách nhiệm về thực hiện giải phóng mặt bằng khu vực mỏ và đất xây dựng các công trình khác phục vụ khai thác khoáng sản.

- Tự chịu trách nhiệm thực hiện đánh giá tác động môi trường dự án khai thác khoáng sản khu vực trúng đấu giá theo quy định. Trường hợp trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường mà không được cộng đồng nơi thực hiện dự án chấp thuận thông qua với lý do chính đáng thì kết quả trúng đấu giá bị hủy bỏ, người trúng đấu giá chỉ được hoàn trả tiền đặt trước để tham gia đấu giá.

- Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá đã được cấp giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác khoáng sản nếu vi phạm quy định của pháp luật, UBND tỉnh sẽ thu hồi mỏ và không hoàn trả bất cứ một khoản chi phí nào mà tổ chức, cá nhân đã đầu tư.

- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

VII. TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ

1. Trình tự, nguyên tắc tiến hành phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản

1.1. Mở đầu, đấu giá viên điều hành cuộc bán đấu giá giới thiệu bản thân, người giúp việc và đại diện cơ quan, tổ chức có liên quan; phổ biến nội quy phiên đấu giá; công bố danh sách tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá; điểm danh người tham gia đấu giá và người phát giá; giải đáp các câu hỏi (nếu có).

1.2. Người điều hành phiên đấu giá tiến hành phiên đấu giá theo hình thức đấu giá bằng phiếu kín trực tiếp từng vòng đấu giá, liên tục không gián đoạn trong suốt phiên đấu giá. Phiên đấu giá chỉ kết thúc sau khi đã xác định được người trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Người trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản là tổ chức, cá nhân duy nhất có phiếu trả giá cao nhất so với giá khởi điểm sau tất cả các vòng đấu giá hoặc là tổ chức, cá nhân trúng khi bốc thăm trong trường hợp quy định tại tiết a điểm 1.5 khoản này.

1.3. Sau mỗi vòng đấu giá, người điều hành phiên đấu giá thông báo công khai mức trả giá cao nhất của vòng bỏ phiếu. Trường hợp có từ hai phiếu trở lên trả giá cao nhất bằng nhau thì người điều hành phiên đấu giá tiếp tục phát phiếu để bắt đầu trả giá cho vòng đấu giá tiếp theo.

Giá khởi điểm của vòng đấu giá tiếp theo là mức giá trả cao nhất của vòng đấu giá kế trước. Giá ghi trong phiếu tham gia đấu giá là hợp lệ khi có giá trị bằng giá khởi điểm cộng với số nguyên lần bước giá.

1.4. Mọi diễn biến trong phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải lập thành biên bản. Kết thúc phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản, người điều hành phiên đấu giá công bố công khai người trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải ký vào biên bản đấu giá ngay tại phiên đấu giá.

1.5. Các trường hợp đặc biệt

a. Trường hợp liên tiếp qua ba vòng đấu giá mà vẫn có từ hai người trở lên phát giá cao nhất bằng nhau, Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc người điều hành phiên đấu giá tổ chức bốc thăm công khai để chọn người trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

b. Trường hợp tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản từ chối nhận kết quả trúng đấu giá thì người trả giá thấp hơn liền kề được xem xét phê duyệt trúng giá bổ sung;

c. Trường hợp người trúng giá bổ sung từ chối không nhận kết quả trúng đấu giá thì kết quả phiên đấu giá bị hủy bỏ và Tổ chức bán đấu giá tài sản báo



cáo bằng văn bản cho Sở Tài nguyên và Môi trường để trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Phê duyệt kết quả trúng đấu giá

- Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày đấu giá thành công, tổ chức bán đấu giá bàn giao toàn bộ hồ sơ đấu giá về Sở Tài nguyên và Môi trường (Hồ sơ tham gia đấu giá; Phiếu trả giá; Biên bản phiên đấu giá).

- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ do tổ chức bán đấu giá bàn giao, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình UBND tỉnh ban hành Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá cho tổ chức, cá nhân trúng đấu giá.

3. Cách tính tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản

- Căn cứ mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã trúng đấu giá được UBND tỉnh phê duyệt, tiền trúng đấu giá được tính như sau:

$$T = Q \times G \times K \times R_{dg} \text{ (đồng)}$$

Trong đó:

T - Tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Q - Là trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác, xác định trong dự án đầu tư hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật và được quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản; đơn vị tính là m³;

G - Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được quy định tại Nghị định số 67/2019/NĐ-CP và Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; đơn vị tính là đồng Việt Nam/đơn vị trữ lượng;

K - Hệ số thu hồi khoáng sản liên quan đến phương pháp khai thác: khai thác lộ thiên K = 0,9;

R_{dg} - Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trúng đấu giá; đơn vị tính là phần trăm (%).

- Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trúng đấu giá đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt được áp dụng ổn định trong suốt thời gian được cấp phép khai thác.

- Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xác định và trình UBND tỉnh phê duyệt tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

4. Phương thức nộp tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản

4.1. Tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải nộp toàn bộ một lần trước khi cấp phép khai thác, trừ trường hợp quy định tại điểm 4.2 Khoản này.

4.2. Trường hợp số tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản lớn hơn 50 tỷ đồng thì được nộp nhiều lần nhưng phải tuân thủ các quy định sau đây:

- Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá phải nộp lần đầu tối thiểu 50 tỷ đồng trước khi cấp phép khai thác khoáng sản; số tiền còn lại được nộp nhiều lần (trước ngày 31 tháng 3 của năm nộp tiền) nhưng thời gian thu không quá 05 (năm) năm kể từ ngày được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản;

- Trường hợp thời gian khai thác dưới 10 năm thì thời gian được nộp nhiều lần không quá nửa thời gian được cấp phép;

- Trường hợp giá tính thuế tài nguyên tại thời điểm nộp cao hơn giá tính thuế tài nguyên tại thời điểm xác định tiền trúng đấu giá thì giá trị nộp được xác định lại theo nguyên tắc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ và Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Phí và chi phí bán đấu giá:

Tổ chức bán đấu giá được thanh toán phí đấu giá và chi phí cho phiên bán đấu giá theo quy định hiện hành.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở ngành liên quan; UBND các huyện: Tuyên Hóa, Minh Hóa, Quảng Trạch, Bố Trạch, Quảng Ninh; thành phố Đồng Hới; UBND các xã, phường, thị trấn liên quan; Tổ chức được lựa chọn để bán đấu giá căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, thực hiện các nội dung công việc liên quan thuộc thẩm quyền; hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức đấu giá quyền khai thác các khu vực mỏ nêu trên theo kế hoạch, phương án này và theo đúng quy định pháp luật có liên quan./.



PHỤ LỤC

KHU VỰC CÁC MỎ ĐẦU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH NĂM 2021

(Kèm theo Phương án đầu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Bình năm 2021)

TT	Loại khoáng sản	Khu vực khoáng sản	Diện tích (ha)	Loại đất	Hiện trạng về cơ sở hạ tầng và sử dụng đất khu vực mỏ	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 múi 3 ^o , kinh tuyến trực 106 ^o		Tài nguyên dự báo (triệu m ³)	Tiền đặt trước (đồng)	Yêu cầu xác nhận năng lực tài chính tối thiểu (đồng)	Ghi chú
							X(m)	Y(m)				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I. Mỏ đá xây dựng: 04 mỏ			33,47						26,93	16.087.309.000	43.569.000.000	
1	Đá vôi làm VLXD thông thường	Lèn Voi, xã Tân Hóa, huyện Minh Hóa	5,00	NCS	Hiện trạng khu vực mỏ là núi đá không có rừng cây do UBND xã quản lý; khu vực bãi chôn lấp là đất trồng cây hàng năm đã giao cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng. Có đường giao thông đến khu vực mỏ.	1	1967583,00	501666,00	5,00	2.986.875.000	6.509.000.000	Chưa thăm dò
						2	1967553,00	501699,00				
						3	1967569,00	501799,00				
						4	1967690,00	501842,00				
						5	1967859,00	501930,00				
						6	1967937,00	501757,00				
						7	1967793,00	501770,00				
						8	1967735,00	501654,00				
						9	1967636,00	501719,00				
2	Đá vôi làm VLXD thông thường	Lèn Eo Cái, xã Kim Hóa, huyện Tuyên Hóa	5,00	NCS	Hiện trạng khu vực mỏ là núi đá không có rừng cây do UBND xã quản lý; khu vực bãi chôn lấp là đất trồng rừng sản xuất đã giao cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng. Có đường giao thông (Quốc lộ 15) đi qua khu vực mỏ.	1	1987226,00	493624,00	5,00	2.986.875.000	6.509.000.000	Chưa thăm dò
						2	1987381,00	493724,00				
						3	1987117,00	494004,00				
						4	1987069,00	493895,00				
3	Đá sừng (đá xây dựng)	Khe Chuối, xã Phú Định, huyện Bố Trạch	5,00	RSX	Hiện trạng khu vực mỏ là đất trồng rừng sản xuất đã giao cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng. Có đường giao thông vào đến khu vực mỏ.	1	1.946.981,00	542.131,00	1,13	675.034.000	6.509.000.000	Chưa thăm dò
						2	1.946.976,00	542.436,00				
						3	1.946.806,00	542.414,00				
						4	1.946.812,00	542.148,00				
4	Đá vôi làm VLXD thông thường	Lèn Lâm Hóa, xã Lâm Hóa, huyện Tuyên Hóa	18,47	NCS	Hiện trạng khu vực mỏ là núi đá không có rừng cây do UBND xã quản lý; khu vực bãi chôn lấp là đất trồng rừng sản xuất đã giao cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng. Có đường giao thông đến khu vực mỏ.	1	1.984.292,00	479.758,00	15,80	9.438.525.000	24.042.000.000	Chưa thăm dò
						2	1.984.544,00	480.019,00				
						3	1.984.544,00	480.337,00				
						4	1.984.061,00	480.360,00				
						5	1.984.054,00	479.791,00				
						6	1.983.871,00	479.870,00				
						7	1.983.939,00	480.457,00				
						8	1.983.732,00	480.482,00				

TT	Loại khoáng sản	Khu vực khoáng sản	Diện tích (ha)	Loại đất	Hiện trạng về cơ sở hạ tầng và sử dụng đất khu vực mỏ	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 múi 3 ^o , kinh tuyến trực 106 ^o		Tài nguyên dự báo (triệu m ³)	Tiền đặt trước (đồng)	Yêu cầu xác nhận năng lực tài chính tối thiểu (đồng)	Ghi chú
							X(m)	Y(m)				
						9	1.983.747,00	479.874,00				
						10	1.984.292,00	479.758,00				
						11	1.984.544,00	480.019,00				
II. Mỏ đất làm vật liệu san lấp: 05 mỏ			83,70						4,60	1.177.602.000	11.174.000.000	
1	Đất làm vật liệu san lấp	Đồi Ông Voi, xã Xuân Hóa, huyện Minh Hóa	10,00	RSX	Đất khu vực mỏ là đất chưa sử dụng do UBND xã quản lý. Tuy nhiên, hiện trạng có một số hộ gia đình đã trồng cây trên một số diện tích.	1	1970580,00	494836,00	0,50	128.000.000	1.335.000.000	Chưa thăm dò
						2	1970713,00	494958,00				
						3	1970347,00	495309,00				
						4	1970227,00	495086,00				
2	Đất làm vật liệu san lấp	Thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa	30,00	RSX	Đất khu vực mỏ là đất rừng sản xuất, đất đã giao cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng. Trên đất đa số đã trồng keo. Đất phải giải phóng mặt bằng. Tiếp giáp đường xuyên Á, thuận tiện cho vận chuyển đất đi tiêu thụ.	1	1978030,89	500722,51	2,10	537.601.000	4.005.000.000	Chưa thăm dò
						2	1977597,14	501220,34				
						3	1977368,62	501003,08				
						4	1977418,15	500693,28				
						5	1977712,18	500447,91				
						6	1977907,46	500483,91				
3	Đất làm vật liệu san lấp	Xã Quảng Lưu, huyện Quảng Trạch	19,80	RSX	Hiện trạng sử dụng đất là trồng cây cao su và keo, tràm của lâm trường Quảng Trạch; có đường tránh Đèo Con đi qua thuận lợi cho khai thác, vận chuyển	1	1.974.122,00	538.484,00	0,80	204.800.000	2.643.000.000	Chưa thăm dò
						2	1.973.893,00	538.537,00				
						3	1.973.806,00	538.537,00				
						4	1.973.703,00	538.354,00				
						5	1.973.703,00	538.182,00				
						6	1.973.856,00	538.180,00				
						7	1.973.903,00	538.123,00				
						8	1.973.975,00	538.098,00				
						9	1.974.004,36	538.640,13				
						10	1.973.953,52	538.669,11				
						11	1.973.922,39	538.737,03				
						12	1.973.973,41	538.785,72				
						13	1.973.935,79	538.885,37				
						14	1.973.945,83	538.912,97				
						15	1.973.937,62	539.039,48				

TT	Loại khoáng sản	Khu vực khoáng sản	Diện tích (ha)	Loại đất	Hiện trạng về cơ sở hạ tầng và sử dụng đất khu vực mô	Điểm góc	Hệ toạ độ VN-2000 múi 3 ⁰ , kinh tuyến trực 106 ⁰		Tài nguyên dự báo (triệu m ³)	Tiền đặt trước (đồng)	Yêu cầu xác nhận năng lực tài chính tối thiểu (đồng)	Ghi chú
							X(m)	Y(m)				
4	Đất làm vật liệu san lấp	Phường Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới	20,00	RSX	Hiện trạng sử dụng đất là rừng keo lai và thông mới trồng của Công ty Lâm Công nghiệp Long Đại; có đường giao thông thuận lợi trong quá trình sản xuất. Khu vực này đã đấu giá thành công năm 2016, tuy đến nay đơn vị trúng đấu giá không nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản theo quy định	16	1.973.923,00	539.097,00	1,00	256.001.000	2.670.000.000	Chưa thăm dò
						17	1.973.738,00	538.952,00				
						18	1.973.752,00	538.678,00				
						1	1.930.888,00	559.087,00				
						2	1.930.910,00	559.231,00				
						3	1.930.744,00	559.345,00				
						4	1.930.662,00	559.202,00				
						5	1.930.787,00	559.106,00				
						6	1.930.717,00	559.012,00				
						7	1.930.777,00	558.956,00				
						8	1.929.038,00	559.988,00				
						9	1.928.983,00	560.182,00				
						10	1.928.993,00	560.305,00				
						11	1.928.882,00	560.335,00				
						12	1.928.787,00	560.211,00				
						13	1.928.735,00	560.238,00				
						14	1.928.572,00	560.112,00				
						15	1.928.523,00	560.027,00				
						16	1.928.659,00	559.835,00				
5	Đất làm vật liệu san lấp	xã Hàm Ninh, huyện Quảng Ninh	3,90	RSX	Đất khu vực mô là đất rừng sản xuất, đất đã giao cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng. Trên đất đa số đã trồng keo. Đất phải giải phóng mặt bằng.	1	1.919.390,19	565.353,75	0,20	51.200.000	521.000.000	Chưa thăm dò
						2	1.919.379,87	565.401,94				
						3	1.919.403,99	565.557,97				
						4	1.919.376,31	565.611,43				
						5	1.919.203,14	565.522,44				
						6	1.919.189,89	565.382,03				
Tổng cộng			117,17					31,53	17.264.911.000	54.743.000.000		

